
NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu các luận điểm từ lý luận về lập pháp hình sự trong nhà nước pháp quyền

Lê Văn Cẩm*, Nguyễn Thị Lan

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 8 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 9 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 9 năm 2017

Tóm tắt: Bằng lý luận về lập pháp hình sự (LPHS) trong Nhà nước pháp quyền (NNPQ) bài viết đã đề cập đến việc phân tích một số vấn đề cơ bản liên quan đến sự nhận thức khoa học về LPHS trong NNPQ thông qua một loạt phạm trù trong lĩnh vực này như: 1) Sự phân chia các loại văn bản pháp luật hình sự; 2) Cấp độ điều chỉnh của một văn bản LPHS; 3) Khái niệm, bản chất và nội hàm của một văn bản LPHS tốt; 4) Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc của LPHS. Và đặc biệt thông qua thực tiễn sinh động của LPHS đối với BLHS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi-bổ sung năm 2017) tác giả đã làm sáng tỏ về mặt lý luận nội hàm của Nguyên tắc thứ 5 (trong hệ thống 05 nguyên tắc của LPHS trong NNPQ) — đáp ứng các tiêu chí cơ bản bắt buộc đối với một văn bản LPHS tốt trong NNPQ.

Từ khóa: Lập pháp hình sự, BLHS Việt Nam năm 2015, Văn bản lập pháp hình sự, Văn bản pháp luật hình sự.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn cải tư pháp (CCTP) và xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) Việt Nam đích thực là "của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân" như Hiến pháp năm 2013 (đoạn 1 Điều 2) đã long trọng tuyên bố trước công luận toàn thế giới hiện nay, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ các luận điểm về lập pháp hình sự (LPHS) có ý nghĩa quan trọng trên 03 bình diện đã được thừa nhận chung của pháp luật hình sự (PLHS) nói riêng và các chuyên ngành pháp luật

về tư pháp hình sự (TPHS) — khoa học (1), thực tiễn (2) & lập pháp (3) dưới đây:

Thứ nhất, về mặt *khoa học*, do tính chất rộng lớn, đa dạng và phức tạp của chủ đề nghiên cứu nên từ trước đến nay trong khoa học luật hình sự (LHS) Việt Nam chưa có bất kỳ một công trình chuyên khảo nào (từ bài báo đến 01 Chương sách hay 01 cuốn sách) dù là ở các mức độ nhất định đề cập đến những vấn đề lý luận về LPHS với tư cách là 01 hướng nghiên cứu mới và quan trọng của khoa học LHS nước nhà.

Thứ hai, về mặt *thực tiễn*, việc soạn thảo và thông qua Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam năm 2015 được sửa đổi-bổ sung (SĐBS) năm 2017 vừa qua đã cho thấy tuy được thông qua

*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-24-37547512.

Email: levancam54@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4114>

vào ngày 27/11/2015 và chưa kịp đưa vào thi hành (lẽ ra là kể từ ngày 01/7/2016 theo đúng như Nghị quyết số 109/2015/QH-13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội đã ấn định); nhưng rất tiếc là sau đó, đúng như Tổ phó Tổ biên tập (01 trong các tác giả chính) của Dự thảo BLHS năm 2015, Phó Vụ trưởng Vụ pháp luật Hành chính-Hình sự (Bộ Tư pháp), TS Trần Văn Dũng (với tư cách là một nhà luật học chân chính) đã trung thực và thẳng thắn nêu trong Báo cáo phát biểu trong 30 phút (từ 8h 35' đến 9h 05' ngày 12/7/2017) trước gần 200 đại biểu tại buổi Tọa đàm khoa học của Bộ môn TPLS-Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN là: 1) "BLHS năm 2015 được xác định là sửa đổi cơ bản và toàn diện, theo đó, trong tổng số 426 điều có 72 điều mới được bổ sung, 362 điều được SĐBS, 17 điều (được) giữ nguyên, và 07 điều (bị) bãi bỏ"; 2) "Phạm vi SĐBS của Luật số 12/2017/QH-14 liên quan đến 202 điều gồm 23 điều thuộc Phần chung, 178 điều thuộc Phần Các tội phạm và 01 điều thuộc Phần Điều khoản thi hành, trong đó có 63 điều sửa đổi kỹ thuật, 138 điều sửa đổi về nội dung quy định trong các điều khoản cụ thể và bãi bỏ 01 điều (Điều 292)" [1]. Như vậy, sau 70 năm (1945-2015) một sự việc hy hữu đã diễn ra lần đầu tiên trong thực tiễn lập pháp (nói chung), LPHS (nói riêng) ở Việt Nam đã đặt ra trước các nhà khoa học-luật gia hình sự học của Tổ quốc nhiệm vụ cấp bách là cần phải nỗ lực nghiên cứu để soạn thảo những vấn đề lý luận về LPHS nhằm góp phần hoàn thiện tốt hơn nữa hoạt động LPHS của nước nhà.

Và thứ ba, về mặt lập pháp, việc phân tích các quy phạm Phần chung BLHS năm 2015 (mặc dù chưa kịp đưa vào thi hành) đã được SĐBS lần thứ nhất (năm 2017) cho thấy, dù sao nó cũng còn tồn tại một số nhược điểm (vốn đã có từ trước đây trong BLHS năm 1999) mà khi soạn thảo BLHS năm 2015 (cũng như Luật SĐBS nó lần thứ nhất vào năm 2017) vẫn chưa được các tác giả của Bộ luật đó quan tâm, chú ý để chỉnh sửa (lẽ đương nhiên là cũng vì các lý do khác nhau nhất định mà chúng ta nên thông cảm-đừng phê phán mà chỉ nên tiếp tục đưa ra bình luận về mặt khoa học mà thôi).

Như vậy, về mặt thời sự của vấn đề tất cả những điều trên đây đã cho phép khẳng định sự cần thiết và tính cấp bách của việc soạn thảo khoa học những vấn đề lý luận về LPHS trong NN PQ nói chung (đặc biệt là ở Việt Nam nói riêng), đồng thời luận chứng cho nghiên cứu này như tên gọi của nó. Tuy nhiên, do tính chất rộng lớn, đa dạng và phức tạp của vấn đề nên trong nghiên cứu này chỉ có thể đề cập đến những vấn đề nào mà theo quan điểm của chúng tôi sẽ là cơ bản, hợp lý và quan trọng hơn cả theo hệ thống như sau: Ngoài các phần 1. Đặt vấn đề và 3. Kết luận vấn đề ra, thì Phần 2. Nội dung vấn đề của nghiên cứu này cần được triển khai nghiên cứu theo 02 Mục tương ứng như sau: 2.1. Nhận thức chung về LPHS trong NN PQ và; 2.2. Nội hàm của các tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc đối với một văn bản LPHS tốt trong NN PQ.

2. Nội dung vấn đề

2.1. Nhận thức khoa học về lập pháp hình sự trong Nhà nước pháp quyền

2.1.1. Sự phân chia các loại văn bản pháp luật hình sự. Theo quan điểm của chúng tôi, trước khi đi vào phân tích các tiêu chí cơ bản của một văn bản LPHS tốt, căn cứ theo Luật "Về ban hành văn bản quy phạm pháp luật" năm 2015 hãy tạm thời phân chia các loại văn bản PLHS Việt Nam thành 03 nhóm: 1) Các văn bản LPHS do cơ quan lập pháp cao nhất của Nhà nước (Quốc hội và UBTV Quốc hội) ban hành như: BLHS, đạo LHS đơn lẻ (gồm Nghị quyết của Quốc hội và Pháp lệnh của UBTV Quốc hội trong lĩnh vực hình sự); 2) Các văn bản PLHS do các cơ quan hành pháp cao nhất của Nhà nước ban hành như: Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư của các Bộ (mà trong đó có chứa các quy phạm PLHS); 3) Các văn bản PLHS do các cơ quan tư pháp cao nhất của Nhà nước ban hành như: Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Thông tư của Chánh án TANDTC hay của Viện trưởng VKSNDTC (mà trong đó

có chứa các quy phạm PLHS). Như vậy, dưới đây từ Mục 2 trở đi chỉ bàn về nhóm văn bản PLHS thứ nhất và trong bài này sẽ được gọi là văn bản LPHS (vì do *cơ quan lập pháp* cao nhất của Nhà nước ban hành, mà cụ thể ở đây chỉ ngụ ý là *BLHS do Quốc hội* ban hành, còn cơ quan soạn thảo Bộ luật đó thì tùy theo sự phân công quyền lực trong từng quốc gia riêng biệt).

2.1.2. *Khái niệm, bản chất và nội hàm của LPHS trong NNPQ* là những vấn đề mà từ trước đến nay chưa bao giờ được đề cập đến trong lý luận LHS Việt Nam. Tuy nhiên, việc phân tích khoa học các văn bản LPHS của nước ta bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ trước (tức là từ khi thông qua Hiến pháp thứ hai của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào cuối năm 1959) đến nay, đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu hoạt động LPHS và quy trình thông qua các VBLP ở các nước văn minh và phát triển cao là các NNPQ đích thực trên thế giới có thể đưa ra định nghĩa: *Lập pháp hình sự trong NNPQ là các hoạt động soạn thảo, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ nhằm mục đích thông qua các đạo LHS hoặc một (hay nhiều) chế định (quy phạm) trong đạo LHS nào đó theo một quy trình chặt chẽ do Luật cơ bản (Hiến pháp) điều chỉnh để xây dựng nên các căn cứ (cơ sở) pháp lý hình sự cho việc bảo vệ các quyền (BVCC) và tự do của con người và của công dân, cũng như cho công cuộc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm (PN & ĐTrCTP) bằng PLHS.*

Như vậy, việc nắm vững định nghĩa khoa học của khái niệm nêu trên sẽ giúp cho chúng ta thấy rõ được *bản chất* và *nội hàm* của LPHS trong NNPQ mà theo quan điểm của chúng tôi, khi phân tích *nội hàm* của khái niệm LPHS trong NNPQ đã được đưa ra trên đây có thể nhận thấy qua *các đặc điểm cơ bản* sau: 1) LPHS trong NNPQ là hoạt động soạn thảo, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ để ban hành các đạo LHS hoặc một (hay nhiều) chế định (quy phạm) trong một đạo LHS nào đó của cơ quan có thẩm quyền làm luật trong Nhà nước. Đây là đặc điểm cơ bản *quan trọng nhất* và đồng thời cũng nói lên *bản chất* của LPHS trong NNPQ; 2) LPHS trong NNPQ phải là hoạt động hướng tới

mục đích xây dựng nên các căn cứ pháp lý hình sự để BVCC và tự do của con người và của công dân, các lợi ích của xã hội và của Nhà nước, cũng như để phục vụ cho công cuộc PN & ĐTrCTP bằng PLHS (tức là hoạt động đó luôn luôn hướng tới các lợi ích chung của Tổ quốc và nhân dân, chứ nhất thiết không ai hoặc phe nhóm nào có thể lợi dụng hoạt động đó để mưu cầu lợi ích hẹp hòi, cục bộ, bản vị của riêng của cá nhân nhà độc tài hay phe nhóm nhất định nào đó trong giới cầm quyền như lịch sử thế giới đã chứng kiến điều này thường xảy ra tại một số nhà nước cực quyền, độc tài phi dân chủ); 3) Và cuối cùng, LPHS trong NNPQ là hoạt động *do luật định*, tức là nó nhất thiết *phải tuân theo một quy trình chặt chẽ* về lập pháp (nói chung) đối với việc soạn thảo và thông qua các văn bản Luật (nói chung) và phải do Luật cơ bản (Hiến pháp) của NNPQ điều chỉnh¹ [2], chứ không thể là hoạt động ngẫu hứng-tùy tiện của cơ quan hành pháp hay của nhà cầm quyền độc tài nào vì lợi ích phe nhóm như tại một số quốc gia cực quyền (vô luật).

2.1.3. *Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc của LPHS trong NNPQ* là những vấn đề từ trước đến nay chưa bao giờ được làm sáng tỏ về mặt khoa học trong lý luận LHS Việt Nam (thậm chí qua 02 lần pháp điển hóa pháp luật hình sự nước ta với việc thông qua 02 BLHS vào các năm 1999 và 2015 cũng không có xuất bản phẩm pháp lý hình sự nào đề cập đến các nguyên tắc này). Tuy nhiên, từ *các luận điểm về lý luận* đối với các phạm trù khái niệm, bản chất và nội hàm của LPHS trong NNPQ đã được nêu trên đây, cũng như căn cứ vào *thực tiễn LPHS* qua hơn 30 năm ở Việt Nam qua 03 lần pháp điển hóa LHS (vào các năm 1985, 1999 và 2015) và 01 lần sửa đổi-bổ sung BLHS năm 2015 (vào năm 2017 vừa qua), đồng thời xuất phát từ việc phân tích quan điểm của GS. TSKH Đào Trí Úc hơn 20 năm trước về đổi

¹Chẳng hạn, như: 1) Điều 59 (gồm 5 khoản) của Hiến pháp Nhật Bản năm 1946; 2) Các điều 51-53 của Hiến pháp Cộng hòa Hàn Quốc; 3) Các điều 76-78 của Hiến pháp CHLB Đức; 4) Các điều 72-76 của Hiến pháp Cộng hòa Ý; 5) Các điều 104-108 của Hiến pháp Liên bang Nga; 6) Các điều 122-123 của Hiến pháp Cộng hòa Ba Lan.

mới PLHS của nước ta² [3] và theo một số nhà khoa học-luật gia hình sự học nước ngoài³ mà các nghiên cứu của họ ở các mức độ nhất định đều có đề cập đến những vấn đề khác nhau về hoàn thiện pháp luật hình sự và hoạt động LPHS, chúng tôi cho rằng:

Thứ nhất, các nguyên tắc của LPHS trong NN PQ là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản được thể hiện trong hoạt động LPHS nhằm góp phần đạt được kết quả cuối cùng của hoạt động ấy là đạo LHS hoặc (và) chế định (quy phạm) trong đạo LHS nào đó được thông qua phải đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí được thừa nhận chung của một văn bản LPHS tốt trong NN PQ để góp phần xây dựng nên các căn cứ pháp lý hình sự cho việc BVCQ và tự do của con người và của công dân, các lợi ích của xã hội và của Nhà nước, cũng như hỗ trợ tích cực cho công cuộc PN & ĐTrCTP bằng pháp luật hình sự.

Thứ hai, về *số lượng các nguyên tắc của LPHS trong NN PQ*: Xung quanh vấn đề này giữa các nhà khoa học-luật gia hình sự học có

thể có rất nhiều quan điểm khác nhau, nhưng việc nghiên cứu các điều luật cụ thể, cũng như từ tinh thần và lời văn của các quy phạm đó trong hệ thống PLHS *thực định* (đặc biệt là trong các BLHS hiện hành) của một số quốc gia là các NN PQ *đích thực*⁴ trên thế giới (chứ

⁴Xem cụ thể hơn: Các tài liệu tham khảo bằng tiếng Nga sau đây:

1) Krulôva N.E., Xerebrenhikôva A.V. Luật hình sự của các nước ngoài đương đại (Anh, Mỹ, Pháp, Đức). Giáo trình của Khoa Luật-Trường ĐHTHQG Maxcova mang tên M.V.Lomonoxôv. Maxcova. NXB Zertxalo, 1997 - 192 tr.;

2) N.E Krulôva. Những đặc điểm cơ bản của Bộ luật hình sự Pháp. Maxcova, NXB "XPARK", 1996-124 tr.;

3) Bộ môn Luật hình sự và Tội phạm học của Khoa Luật-Trường ĐHTHQG Maxcova mang tên M.V.Lomonoxôv. Bộ luật hình sự Tây Ban Nha (TSKH luật.GS N.Ph Kuztnhexôva và TSKH luật.GS Ph. M Resetnhikôv hiệu đính). Maxcova. NXB Zertxalo, 1998 - 218 tr.;

4) Bộ Tư pháp Liên bang Nga. Bộ luật hình sự Liên bang Nga.Văn bản chính thức. (Bài giới thiệu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Liên bang Nga, TSKH luật, GS Kôvaliev V.A.). Maxcova. Nhóm xuất bản INFRA-M-NÔMA; 1997 - 302 tr.;

5) Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức.Hội đồng luật học của Liên hiệp phương pháp học tập của các Trường ĐHTH Liên bang Nga giới thiệu. (Dịch giả: Xerebrenhikôva A.V., Hiệu đính khoa học: TSKH.GS, thành viên Hiệp hội Luật hình sự quốc tế N.Ph Kuztnhexôva và TSKH luật, GS, nhà hoạt động khoa học công huân của Liên bang Nga Ph. M Resetnhikôv; Phân biên: TS luật học L.O.Ivanôv và PTS luật học, PGS I.M Triazkôva).Maxcova, NXB "Trường cao đẳng Luật" trực thuộc Trường ĐHTHQG Maxcova, 1996 - 202 tr.;

6) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Úc năm 1995 (Được Nghị viện Liên bang thông qua tháng ba năm 1995, Phần chung có hiệu lực từ 15/12/2001).Biên tập khoa học và viết Lời giới thiệu của PTS luật, GS I.Đ Kozôtrkin và E.N Trikôz; Dịch từ tiếng Anh của E.N Trikôz). Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2002 - 188 tr.;

7) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Ba Lan (Với các sửa đổi và bổ sung đến ngày 1/8/2001). Biên tập khoa học của PTS luật PGS A.I Lukasôva và TSKH luật.GS N.Ph Kuztnhexôva; Dịch từ tiếng Anh của Đ.A Barikôvic). Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2001 - 214 tr.;

8) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Đan Mạch.Biên tập khoa học của PTS luật học X.X Beliaev; Dịch từ tiếng Đan Mạch và tiếng Anh của X.X Beliaev và A.N Rutreva. Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2002 - 230 tr.;

9) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Hà Lan (Biên tập khoa học của TSKH luật, GS B.V Volôgienkin; Dịch từ tiếng Anh của I.V Mironôva). Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2001 - 510 tr.;

10) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Ba Lan (Với các sửa đổi và bổ sung đến ngày 1/1/2002). Biên tập khoa học và giới thiệu của TSKH luật, GS A.I Korobiôv;

²Trước khi ban hành BLHS năm 1999, GS.TSKH Đào Trí Úc đã phân chia các nguyên tắc của việc xây dựng BLHS thành 03 nhóm là: 1) Các nguyên tắc về nhiệm vụ, mục tiêu sửa đổi BLHS; 2) Các nguyên tắc về điều kiện của sự sửa đổi BLHS và; 3) Các nguyên tắc Các nguyên tắc về thiết kế các quy định mới sửa đổi BLHS trên những hướng cụ thể. Xem cụ thể hơn: Chương III "Các nguyên tắc của việc xây dựng Bộ luật hình sự". — Trong sách: Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay (Sách của Viện Nhà nước và pháp luật do GS.TSKH. Đào Trí Úc chủ biên). NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 1994, tr.31-39.

³Chẳng hạn, trong khoa học LHS Liên Xô cũ đã có một số công trình như: Ivanôv V.I. Sự phát triển của việc pháp điển hóa pháp luật hình sự. — Trong sách: Sự phát triển của việc pháp điển hóa pháp luật Xô Viết. NXB Sách pháp lý, Maxcova, 1968, tr.183-208 (Tiếng Nga); Bazanôv M.I., Xtanhix V.V. Điểm mới trong pháp luật hình sự. NXB Sách pháp lý, Maxcova, 1970, 91 tr. (Tiếng Nga); Vakulenkô V. Điểm mới trong pháp luật hình sự. — Trong Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa, 1977, số 4, tr.8-12 (Tiếng Nga); Đaghel I.X. Các đặc điểm của Phần chung các Bộ luật hình sự của các nước Cộng hòa (Tiếng Nga). Kurin V. Điểm mới trong pháp luật hình sự toàn Liên bang. — Trong Tạp chí Pháp chế xã hội chủ nghĩa, 1970, số 1, tr.12-17 (Tiếng Nga); Raxulôv A. Các đặc điểm và các quy định của pháp luật hình sự toàn Liên bang.Takent, 1967, tập 309, tr.116-128 (Tiếng Nga); v.v...

không phải cái gọi là "NNPQ" tự mạo nhận của các thế lực cầm quyền độc tài-phi dân chủ hay thậm chí là "NNPQ" giả vờ được tuyên bố trong các Hiến pháp của một số quốc gia cực quyền) có thể khẳng định 05 nguyên tắc *chủ yếu và quan trọng hơn cả* sau đây của nó (LPHS trong NNPQ): 1) Luôn hướng tới việc *bảo vệ một cách hữu hiệu các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như các lợi ích của xã hội và của Nhà nước*; 2) Luôn bảo đảm sự phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của PLHS quốc tế; 3) Các chế định và các quy phạm luôn hài hòa để đáp ứng được những yêu cầu (đòi hỏi) của công cuộc PN & ĐTrCTP trong đất nước (nói riêng) và trong cộng đồng quốc tế (nói chung); 4) Luôn bảo đảm ở mức tối đa để sao cho, các nhóm CTTP phải chính xác với các nhóm QHXX tương ứng được PLHS bảo vệ tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm, còn các chế tài pháp lý hình sự và mức độ TNHS phải *phù hợp* (mà không quá hà khắc hay quá nhẹ) so với *các điều kiện cụ thể* của sự phát triển về kinh tế-xã hội, tâm lý-tinh thần, văn hóa-giáo dục và lịch sử-truyền thống pháp luật trong đất nước; và cuối cùng, 5) Luôn đáp ứng được đầy đủ *các tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung đối với một văn bản LPHS tốt trong NNPQ* (trong đó 02 tiêu chí đầu liên quan đến *thể thức soạn thảo*, còn 03 tiêu chí sau — *nội dung* của văn bản), mà cụ thể là: a) Chặt chẽ về mặt *KTLP*; b) *Nhất quán* về mặt *logic pháp lý*; b) Chính xác về mặt *khoa học*; d) Khả thi về mặt *thực tiễn* (tức là phải luôn phù hợp để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội đương đại và sẽ phát triển trong tương lai); và đ) Trong sáng và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu về mặt *thuật ngữ (ngôn ngữ) pháp lý*.

2.1.4. Về cấp độ điều chỉnh của một văn bản LPHS. Thực tiễn LPHS Việt Nam (nhất là qua lần soạn thảo BLHS năm 2015 vừa qua) đều cho thấy rằng, trong 05 tiêu chí cơ bản của

01 văn bản LPHS tốt thì 04 tiêu chí đầu tiên là liên quan thiết thực nhất đến từng điều luật và từng chế định, còn tiêu chí cuối cùng là liên quan đến "sức sống" (lâu dài hay chết yểu) của các điều luật hay các chế định pháp lý nào đó. Do đó, trước khi lần lượt xem xét *nội hàm riêng* của từng tiêu chí cơ bản đã nêu, thì ở đây chúng ta cần có sự nhận thức khoa học đúng đắn về *nội hàm chung* của tất cả 05 tiêu chí này là: nếu như xét trong mỗi quan hệ hữu cơ và biện chứng của các tiêu chí cơ bản đó thì chúng chính là những đòi hỏi (yêu cầu) *mang tính bắt buộc chung* đối với toàn bộ văn bản LPHS. Có nghĩa là nếu xét *theo thứ tự* (về cấp độ điều chỉnh của một văn bản LPHS) từ *nhỏ đến lớn* thì các tiêu chí cơ bản đó không chỉ đòi hỏi đối với 1) *từng Điểm, Khoản* của mỗi *Điều luật* cụ thể; →, 2) *từng chế định* pháp lý hình sự cụ thể (hay *từng nhóm điều luật* cụ thể); →, 3) *từng Chương* (hay *Phần*) thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản LPHS, mà cuối cùng tổng hợp lại thì chúng (các tiêu chí cơ bản đó) còn là đòi hỏi đối với → 4) *toàn bộ văn bản* LPHS chứa đựng các điều luật cụ thể đó. Vì vậy, nếu trong quá trình soạn thảo một văn bản LPHS nào đó mà người soạn thảo không có được sự nhận thức khoa học một cách đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về *nội hàm* của vấn đề này thì văn bản LPHS đó sẽ không thể tránh khỏi những sai sót về mặt kỹ thuật lập pháp (KTLP) hình sự, mà thực tiễn LPHS của BLHS năm 2015 ở Việt Nam thời gian qua là ví dụ rõ nét nhất.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu 05 tiêu chí nêu trên với tư cách là *nội dung* của nguyên tắc thứ 5 được đề cập tại tiểu mục 2.1.3, có một vấn đề không kém phần quan trọng cũng được đặt ra khi bàn về *các tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung* đối với một văn bản LPHS tốt trong NNPQ — vậy thì các tiêu chí *khác* góp phần tạo điều kiện để *ra được một văn bản LPHS tốt* thì sao (?), chẳng hạn như: 1) Phải có một cơ quan lập pháp (Nghị viện hay Quốc hội) chuyên nghiệp và hoạt động thường xuyên (nôm na là "ăn rồi chỉ chuyên suy nghĩ để làm luật"); 2) Các đại biểu Quốc hội phải đáp ứng được *các tiêu chí hiến định bắt buộc* đối với những nhà làm luật như: a) "*Phải có nhân phẩm tốt, gương*

Dịch từ tiếng Nhật của PTS luật V.I Êremin). Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2002 - 226 tr.;

11) Hiệp hội Trung tâm pháp lý. Bộ luật hình sự Thụy Sĩ. Biên tập khoa học, giới thiệu và dịch từ tiếng Đức của PTS luật, Xerebrennikova A.V.. Sant-Peterburg. NXB "Trung tâm luật Prexx", 2002 - 350 tr.; v.v.....

mẫu về đạo đức, có hiểu biết ít nhất một trong ba lĩnh vực là luật học, chính trị học hoặc kinh tế học để có đủ tri thức và khả năng soạn thảo được các luật trong một hoặc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội..."; b) "Phải thể hiện rõ chính kiến, có đủ bản lĩnh, không được phép dĩ hòa vi quý, vô cảm hoặc cách thể hiện năng lực yếu kém trong công vụ"; v.v... [4]. Thiết tưởng: 1) Đây chỉ là lý tưởng-mơ ước về một "Mô hình hiến định của các quy phạm về tổ chức quyền lập pháp" (nói chung) — như tên gọi của Mục §2. gồm các tr.122-160 Phần IV thuộc Chương hai trong cuốn SCK trích tại Chú thích (4) dưới đây nên nó cũng không thuộc phạm vi và đối tượng phân tích của bài viết này (mà nội dung là chỉ đề cập riêng đến những vấn đề lý luận về LPHS); 2) Hơn nữa, ngay phạm vi và đối tượng nghiên cứu trực tiếp của bài viết này thì đúng như tên gọi của Mục 2.2. Phần 2 là "Nội hàm các tiêu chí... đối với một văn bản LPHS..." (mà chưa có điều kiện đề bình luận gì về các tiêu chí đối với chủ thể (người) soạn thảo ra văn bản đó; và 3) Vì nếu nói về chủ thể soạn thảo thì lại phải là một chủ đề khác, vào dịp khác và độ dài của bài viết đó ít nhất cũng phải khoảng 10 trang (như bài này).

Hơn nữa do sự hạn chế của số trang dành cho 01 bài trên Tạp chí khoa học nên trong phạm vi bài này (mà cụ thể là tại Mục 2.2. dưới đây) chúng tôi chỉ đề cập đến việc phân tích nội hàm của nguyên tắc cơ bản thứ 5 (vì vai trò đặc biệt quan trọng của nó) trong hệ thống các nguyên tắc của LPHS trong NNQP (đã được liệt kê ở trên).

2.2. Nội hàm của các tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung đối với một văn bản lập pháp hình sự tốt trong Nhà nước pháp quyền

Khi nghiên cứu vấn đề này chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng, nói chung trong hơn 30 năm pháp điển hóa PLHS Việt Nam thì về cơ bản, PLHS nước nhà đã có thể được coi là đáp ứng được đa số (3/5) các tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung đã nêu, riêng những hạn chế nào còn tồn tại đối với tiêu chí nào đi chăng nữa thì đó cũng chỉ là thiếu số (2/5) mà thôi. Vì vậy, để nhận thấy rõ điều này dưới đây

chúng ta cần xem xét nội hàm của từng tiêu chí cụ thể thuộc nguyên tắc thứ 5 đã nêu.

2.2.1. Nội hàm của tiêu chí cơ bản thứ nhất — sự chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp của một văn bản LPHS (như: BLHS, đạo LHS hay Pháp lệnh về TNHS đối với nhóm tội phạm nào đó, v.v...) là ở chỗ — khi phương pháp sử dụng khi soạn thảo các bộ phận cấu thành của văn bản LPHS đó (như: các mệnh đề, câu, chữ tạo nên các Điểm; các Điểm → các Khoản; các Khoản → các Điều luật; các Điều luật → các Mục hay Chương; và các Chương → các Phần nêu có), tức là tất cả những gì tạo nên toàn bộ cấu trúc và nội hàm của văn bản LPHS đó phải được sắp xếp khăng khít với nhau mà không chồng chéo, mâu thuẫn nhau. Về tiêu chí cơ bản này (cũng như cả tiêu chí nhất quán về mặt logic pháp lý + tiêu chí chính xác về mặt khoa học), thì việc nghiên cứu thực tiễn LPHS Việt Nam qua 03 BLHS (năm 1985, năm 1999 và năm 2015) đã cho phép khẳng định rằng, một loạt các quy định trong cả 03 Bộ luật ấy là chưa đạt yêu cầu vì chưa đáp ứng được cả 03 tiêu chí cơ bản đã nêu, chẳng hạn như: trong mệnh đề tại đoạn 2 Điều 1 của cả 03 BLHS chỉ ghi nhận vền vẹn có 02 chế định "tội phạm và hình phạt" rõ ràng là còn thiếu vì nội hàm mà cả 03 Bộ luật đều ghi nhận rất nhiều chế định pháp lý hình sự khác nữa còn thiếu (thậm chí có cả 03 chế định lớn) — tức là chúng đều chưa được thể hiện trong mệnh đề này như: 1) chế định "các BPTP" (vì BPTP không phải và không thể là hình phạt; 2) chế định "các trường hợp loại trừ TNHS" (vì các trường hợp này là độc lập và hoàn khác xa mà không thể đồng nhất với tội phạm); 3) chế định lớn "các BPTM" (mà không thể đồng nhất với hình phạt như miễn hình phạt, miễn CHHP, miễn TNHS, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích, v.v...); 4) cả 02 chế định lớn là "TNHS của người chưa thành niên phạm tội" và "TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội" (chỉ có trong BLHS sau cùng- năm 2015).

Chính vì vậy, để khắc phục nhược điểm trên đây, thiết nghĩ cần phải sửa đổi-bổ sung để viết lại mệnh đề tại đoạn 2 Điều 1 BLHS năm 2015 như sau:

"Để thực hiện nhiệm vụ đó, Bộ luật này quy định tội phạm, hình phạt và các chế định pháp lý hình sự khác có thể được áp dụng đối với người phạm tội, cũng như đối với pháp nhân thương mại phạm tội".

2.2.2. Nội hàm của tiêu chí cơ bản thứ hai — tính nhất quán về mặt logic pháp lý của một văn bản LPHS là khi việc tên gọi (tiêu đề) của Điều luật, Mục hay Chương, Phần (nếu có) là ở chỗ — khi hình thức bên ngoài của chúng phải thống nhất (phù hợp) với nội hàm tương ứng được phản ánh (ghi nhận) trong Điều luật, Mục hay Chương, Phần (nếu có) đó. Về tiêu chí cơ bản này (cũng như cả tiêu chí chặt chẽ về mặt KTPL + tiêu chí chính xác về mặt khoa học), thì việc nghiên cứu thực tiễn LPHS Việt Nam qua 02 lần pháp điển hóa với 02 BLHS (năm 1999 và năm 2015) đã cho phép khẳng định rằng:

Một là, ở một mức độ nhất định, BLHS năm 2015 đã khắc phục được nhược điểm cơ bản của BLHS năm 1999 là hình thức bên ngoài (tên gọi) của Điều hay Chương nào đó đã không phản ánh đúng nội hàm bên trong (quy phạm hoặc chế định mà Điều hay Chương đó đã ghi nhận. Ví dụ minh chứng về tính ưu việt của BLHS năm 2015 là nhà làm luật đã: 1) Tách chế định phân loại tội phạm (mà trước đây BLHS năm 1999 đã ghi nhận chung tại cùng 01 Điều 8 với khái niệm tội phạm) ra thành Điều 9 riêng biệt với đúng tên gọi mà nó quy định (vì rõ ràng phân loại tội phạm là 01 chế định độc lập của PLHS chứ không thể "nhốt" chung vào cùng 01 Điều luật mà hình thức (tên gọi) khác vì không phản ánh đúng nội hàm bên trong của nó là sự phân loại tội phạm (như Điều 8 BLHS năm 1999 trước đây đã quy định); 2) Tách những trường hợp loại trừ TNHS với tư cách là 01 chế định độc lập (khác xa với chế định tội phạm) ra thành 01 Chương IV riêng biệt (mà trước đây BLHS năm 1999 đã ghi nhận chung những trường hợp này tại cùng 01 Chương III với các quy định về tội phạm như lỗi, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm).

Hai là, ở khía cạnh khác Phần chung BLHS năm 2015 vẫn còn tồn tại một loạt các nhược

điểm liên quan đến chế định TNHS (đã tồn tại trong BLHS năm 1999 trước đây) mà lần pháp điển hóa thứ ba vừa qua vẫn chưa khắc phục được. Các minh chứng cụ thể như:

1) Vẫn còn thiếu hẳn 01 Chương độc lập với các quy phạm riêng biệt về TNHS, mặc dù nó (TNHS) là 01 chế định lớn và trung tâm, quan trọng nhất và được coi là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt các quy định trong PLHS của hầu như tất cả các NNPQ trên thế giới nên về vấn đề này, từ rất lâu trong sách báo KHPL Việt Nam chúng tôi đã bắt đầu đề cập cách đây gần 02 thập kỷ [5] — từ trước khi thông qua BLHS năm 1999 và liên tục sau đó trong hơn 10 năm đầu của thế kỷ XXI này [6].

2) Quy phạm về cơ sở của TNHS tại Điều 2 vẫn chưa thể hiện được sự nhất quán về mặt logic pháp lý tối thiểu nhất (mà lẽ ra phải có khi xây dựng các quy phạm PLHS — hình thức bên ngoài (tên gọi của Điều 2) mâu thuẫn với nội hàm bên trong (quy định của chính điều luật ấy), vì lẽ ra tên gọi của Điều 2 là "Cơ sở của trách nhiệm hình sự" rồi thì quy phạm tại Điều luật này cần thể hiện đúng, cụ thể và rõ ràng nội hàm cho phù hợp với tên gọi của nó — cơ sở (vật chất) của TNHS là cái gì (như: "lỗi", "cấu thành tội phạm", "mối quan hệ nhận quả giữa hành vi và hậu quả" hay là "việc thực hiện tội phạm", v.v...) và những điều kiện để chủ thể phải chịu TNHS là như thế nào (?) mà đó phải chính là chỉ người nào sự hội đủ 05 điều kiện tương ứng với 05 dấu hiệu của tội phạm thì mới phải chịu TNHS. Vì nếu như thiếu đi dù chỉ là 01 dấu hiệu của tội phạm, thì cũng sẽ thiếu đi 01 điều kiện tương ứng của TNHS và theo logic pháp lý sự việc sẽ dẫn đến → không thể có TNHS). Nhưng trái lại, cũng như Điều 2 BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 trước đây, quy phạm tại Điều 2 BLHS năm 2015 lại cũng ghi nhận điều kiện của TNHS khi sử dụng thuật ngữ "Chỉ người nào... mới phải chịu" và "Chỉ pháp nhân thương mại nào... mới phải chịu".

3) Như vậy, quy phạm tại Điều 2 BLHS năm 1999 như vậy rõ ràng là không đảm bảo được cùng một lúc 03 tiêu chí cơ bản (không

nhất quán về mặt *logic pháp lý*, không chính xác về *mặt khoa học* và không chặt chẽ về *mặt KTLP*) vì quy phạm đó không những chưa phân biệt rõ được sự khác nhau giữa 02 khái niệm cơ bản, rất gần nhau (nhưng lại không thể đồng nhất) — "*cơ sở*" và "*điều kiện*" của TNHS, mà vẫn còn thiếu ít nhất là 02 (nếu không muốn nói là 03) điều kiện nữa của TNHS mà nếu như không có chúng thì cũng không thể có TNHS — "*lỗi trong việc thực hiện hành vi bị luật hình sự cấm*" và "*năng lực TNHS*" (trong khi 02 điều kiện đầu tiên vẫn được đề cập tương ứng là 02 dấu hiệu trong định nghĩa pháp lý (ĐNPL) của khái niệm tội phạm tại (khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015).

4) Ngoài ra, BLHS năm 2015 bên cạnh một số ưu điểm (đã nêu ở trên), cũng còn nhiều nhược điểm cơ bản (mà về cơ bản đó là các nhược điểm còn tồn tại từ BLHS năm 1999 mà khi pháp điển hóa lần thứ ba, thậm chí kể cả khi soạn thảo Luật SĐBS năm 2017 các nhược điểm ấy vẫn còn bị bỏ qua-chưa được loại trừ). Ở đây, do sự hạn chế của số trang bài viết đăng Tạp chí khoa học nên chúng tôi chỉ có thể đề cập đến các nhược điểm về việc BLHS năm 2015 (sửa đổi-bổ sung năm 2017) còn thiếu sự điều chỉnh một loạt vấn đề quan trọng liên quan đến chế định TNHS, chẳng hạn như:

a. Thiếu định nghĩa pháp lý (ĐNPL) của khái niệm TNHS là gì (?), trong khi đó lại có 02 ĐNPL của 02 khái niệm tương ứng và gắn liền với TNHS — *tội phạm* (khoản 1 Điều 8) và *hành phạt* (Điều 30).

b. Thiếu ĐNPL của khái niệm *chủ thể* của TNHS là gì (?), nhất là khi mà xuất phát từ tinh thần và lời văn của Điều 2 BLHS năm 2015 chúng ta có thể nhận thấy rõ quan điểm của nhà làm luật Việt Nam coi chủ thể của TNHS *không chỉ là con người* (mà còn là pháp nhân thương mại), thì việc ghi nhận rõ ràng và dứt khoát về mặt lập pháp *khái niệm chủ thể của TNHS* là như thế nào (để góp phần khẳng định quan điểm đã nêu của nhà làm luật chính là việc làm cần thiết và có ý nghĩa lý luận-thực tiễn rất quan trọng).

c. Thiếu ĐNPL của khái niệm *năng lực TNHS* là gì (?), vì năng lực TNHS cũng là một trong những điều kiện của TNHS, hơn nữa khi BLHS năm 2015 lại có quy định về *nội hàm* (tuy không phải là ĐNPL về khái niệm) của *tình trạng không có năng lực TNHS* (khoản 1 Điều 21).

d. Thiếu ĐNPL của khái niệm *người đủ tuổi chịu TNHS* là gì (?) và khái niệm *tuổi chịu TNHS* là gì (?), vì tuổi chịu TNHS cũng là một trong những điều kiện không thể thiếu được của TNHS, hơn nữa khi BLHS năm 2015 đã ghi nhận độ tuổi (tất nhiên là chỉ mới có *giới hạn tối thiểu* của độ tuổi) chịu TNHS (Điều 12).

đ. Thiếu quy phạm ghi nhận *giới hạn tối đa* của độ tuổi chịu TNHS (mặc dù nói chung trong thực tiễn thì có thể các cơ quan TPHS không truy cứu TNHS những người đã quá già yếu, nhưng sự cần thiết *phải khẳng định chính thức về mặt lập pháp thực tế này trong PLHS* sự *thực định* sẽ có ý nghĩa lý luận-thực tiễn quan trọng vì không chỉ thể hiện *nguyên tắc nhân đạo* trong chính sách hình sự của Việt Nam, một quốc gia đang trong giai đoạn xây dựng NN PQ, mà còn cho thấy *sự thừa kế giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc* — ông cha ta tại Điều 16 Quốc triều Hình luật năm 1483 dưới triều đại hậu Lê cũng đã làm như vậy).

2.2.3. *Nội hàm của tiêu chí cơ bản thứ ba — tính chính xác về mặt khoa học* của một văn bản LPHS là ở chỗ — khi các khái niệm và các phạm trù phạm trù pháp lý được ghi nhận trong Phần chung, cũng như các CTTT được quy định trong Phần riêng tương ứng với từng của Điều luật tại văn bản LPHS đó phải *phù hợp và đúng* với *nội hàm* của các luận điểm lý luận đã được thừa nhận chung của đại đa số các nhà khoa học-luật gia hình sự học của quốc gia, cũng như của quốc tế. Về tiêu chí cơ bản này thì việc nghiên cứu thực tiễn LPHS Việt Nam trong hơn 30 năm qua 03 lần pháp điển hóa đã cho phép khẳng định rằng, tất cả 03 BLHS nước ta (năm 1985, năm 1999 và năm 2015) về cơ bản đều đã đáp ứng tốt vì nhìn chung là không tồn tại nhược điểm gì lớn (tuy vẫn chưa được hoàn thiện lắm).

2.2.4. Nội hàm của tiêu chí cơ bản thứ tư — tính khả thi về mặt thực tiễn của một văn bản LPHS là ở chỗ — khi các quy định trong văn bản LPHS đáp ứng được đúng các đòi hỏi (yêu cầu) của thực tiễn PN & ĐTrCTP, cũng như việc điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội đang hình thành và diễn ra trong giai đoạn đương đại tương ứng và dự báo sẽ phát triển trong tương lai. Có thể khẳng định rằng, đây chính là tiêu chí khó khăn và phức tạp nhất đối với các nhà làm luật vì nó đòi hỏi họ phải có một trí tuệ sắc sảo, nhạy bén và tầm nhìn xa trông rộng chuẩn xác và siêu việt hơn ai hết vì nếu không, thì hệ thống PHS của quốc gia sẽ mất đi sự ổn định cần thiết vì BLHS sẽ thường xuyên phải sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các điều khoản "chết yếu" (Ví dụ: Điều 292 BLHS năm 2015 vừa mới quy định xong đã bị hủy bỏ ngay bằng Luật số 12/2017/QH-14 ngày 20/6/2017 "Về sửa đổi-bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015"). Về phương diện này, dưới góc độ so sánh luật học thì cần phải khẳng định rằng BLHS LB Nga năm 1996 (được thi hành kể từ ngày 01/01/1997 đến nay) là tương đối ổn định hơn cả vì trong suốt hơn 2 thập kỷ hiện hành (1997-2008) chỉ phải sửa đổi-bổ sung vài lần thôi [7].

2.2.5. Nội hàm của tiêu chí cơ bản thứ năm — sự rành mạch và rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu về mặt thuật ngữ (ngôn ngữ) pháp lý của một văn bản LPHS là ở chỗ — khi xây dựng các khái niệm và các phạm trù pháp lý trong Phần chung, cũng như các CTTP trong Phần riêng, nhà làm luật cần có kinh nghiệm nghề nghiệp lâu năm và giỏi, có kiến thức tổng hợp sâu và rộng cả về luật học, xã hội học và ngôn ngữ học để có thể sử dụng thành thạo các thuật ngữ pháp lý mà soạn thảo ra được những mệnh đề, câu và chữ dứt khoát trong các điều luật của BLHS tương ứng. Về tiêu chí này, những ưu điểm của LPHS Việt Nam hơn 30 năm qua 03 lần pháp điển hóa với 03 BLHS (năm 1985, năm 1999 và năm 2015) là không thể phủ nhận (mà nhất là của BLHS năm 1985 vì có sự tham gia của các cố luật gia lão thành đã từng làm việc ở TANDTC).

3. Kết luận vấn đề

Việc nghiên cứu trong bài viết này các luận điểm từ lý luận về LPHS (đặc biệt là sự phân tích 05 tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung của một văn bản LPHS tốt) trong NNPQ với các luận điểm khoa học trên đây cho phép đưa ra một số kết luận như sau:

Một là, lý luận về LPHS trong NNPQ là tổng thể những vấn đề rộng lớn, đa dạng và phức tạp mà từ trước đến nay là một khoảng trống trong khoa học LHS nước ta vì chưa bao giờ được làm sáng tỏ (dù là ở một mức độ nhất định nào đó, chứ chưa nói là đầy đủ và toàn diện); do vậy, nghiên cứu đầu tiên này của chúng tôi chỉ là sự cố gắng bước đầu đề cập đến việc phân tích khoa học một số phạm trù có liên quan và đặc biệt là, do sự hạn chế của số trang của một bài viết trên Tạp chí khoa học nên nghiên cứu này mới chỉ có thể đề cập đến 1/5 nguyên tắc của LPHS trong NNPQ — phải đáp ứng được 05 tiêu chí cơ bản và bắt buộc chung của một văn bản LPHS tốt trong NNPQ (nguyên tắc thứ 5 theo thứ tự nêu trên).

Hai là, nếu đối chiếu với 05 tiêu chí cơ bản tối thiểu và bắt buộc chung của một văn bản LPHS tốt trong NNPQ, thì Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam qua 03 lần pháp điển hóa (vào các năm 1985, 1999 và 2015) không có khiếm khuyết gì to lớn và nghiêm trọng mà chủ yếu là chỉ có một số nhược điểm vì chưa đáp ứng được 02 tiêu chí cơ bản (liên quan đến thể thức soạn thảo) tương ứng thứ 1 và thứ 2 (đã nêu trên) — chưa chặt chẽ về mặt KTLP (1) và chưa nhất quán về mặt logic pháp lý (2).

Và ba là, chính vì vậy, tiếp tục triển khai việc phân tích về mặt lý luận sâu sắc và toàn diện hơn nữa những vấn đề lý luận về LPHS với tư cách là 01 trong những hướng nghiên cứu mới của khoa học LHS Việt Nam chính là nhiệm vụ quan trọng của các luật gia-các nhà hình sự học hiện đang công tác tại các cơ sở giảng dạy-NCKH về Luật học, cũng như tại cơ quan lập pháp cao nhất của đất nước./.

Lời cảm ơn

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QG.17.49, “*Nhận thức khoa học về Phần chung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 và trong tương lai*” (thời gian thực hiện 2017-2019) do GS.TSKH. Lê Văn Cẩm chủ nhiệm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Văn Dũng. Một số điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015-đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH-14 "Về sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự năm 2015" (các tr.1-14) của Báo cáo tại Tọa đàm khoa học (Hà Nội, ngày 12/7/2017). — Trong tập Tọa đàm khoa học "Giới thiệu và bình luận về Phần Những quy định chung của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017" do Bộ môn Tư pháp hình sự -Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN tổ chức.
- [2] Tuyển tập Hiến pháp của một số quốc gia. NXB Hồng Đức. Hà Nội, 2012, các tr.26, 49-50, 286-288; 361-363; 424-426; 476-477.
- [3] Đào Trí Úc. Chương III "Các nguyên tắc của việc xây dựng Bộ luật hình sự" trong sách Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay (Sách của Viện Nhà nước và pháp luật do GS.TSKH. Đào Trí Úc chủ biên). NXB Công an nhân dân. Hà Nội, 1994, tr.31-39.
- [4] Lê Văn Cẩm. Một số vấn đề cấp bách của khoa học pháp lý Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Sách chuyên khảo). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr.129-130.
- [5] Lê Cẩm. Hoàn thiện các quy phạm về trách nhiệm hình sự-yếu tố cơ bản và quan trọng nhất trong việc bảo vệ con người bằng pháp luật hình sự (Một số vấn đề lý luận & thực tiễn). —Tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), các số 2, 3 & 4/1990.
- [6] Chín (09) bài viết của cùng một tác giả (Lê Cẩm): 1) Về hệ thống các điều khoản trong bốn chương đầu tiên của Dự thảo biên soạn mới Bộ luật hình sự (Phần chung).—Tạp chí TAND, các số 6 & 7/1998; 2) Chế định trách nhiệm hình sự trong BLHS Việt Nam năm 1999. — Tạp chí Dân chủ (DC) & Pháp luật (PL), số 4/2000; 3) Phân biệt trách nhiệm hình sự với trách nhiệm pháp lý khác, cơ sở và những điều kiện của trách nhiệm hình sự. — Tạp chí TAND, số 8/2004; 5) Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự. —Tạp chí Khoa học (Chuyên san Kinh tế-Luật), số 2/2005; 6) Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999: Những vấn đề cần hoàn thiện các quy định của Phần chung. — Tạp chí DC & PL (Số chuyên đề sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999), tháng 8/2008; 7) Những kiến giải lập pháp cụ thể về chế địnhtrách nhiệm hình sự (1), hình phạt (2) và biện pháp tư pháp hình sự (3) trong Dự thảo II BLHS (sửa đổi). — Tạp chí TAND, số 4-tháng 2/2015; 8) Bộ luật hình sự 2015 (Phần chung): Suy nghĩ về những khiếm khuyết chủ yếu. — Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 02 (10)/2016; 9) Bàn về kỹ thuật lập pháp của Những quy định chung (tức Phần chung) Bộ luật hình sự năm 2015. — Tạp chí Kiểm sát, số 9-tháng 5/2017; v.v.....
- [7] Bình luận Bộ luật hình sự Liên bang Nga (Sách của tập thể tác giả do Nhà hoạt động khoa học Công huân của LB Nga, TSKH. GS A.I.Rarog chủ biên). Xuất bản lần thứ 5 với các sửa đổi-bổ sung. NXB Đại lộ. Maxcova, 2008 - 671 tr. (Tiếng Nga).

Some Theoretical Issues of Criminal Legislation in the Rule of Law

Le Van Cam, Nguyen Thi Lan

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The paper, based on the theory of criminal legislation in the rule of law, analyzes such fundamental issues as: 1) The classification of criminal legal documents; 2) Regulation scope of a criminal legal document; 3) Concept, nature and content of a good criminal legal document; and 4) Concepts and system of criminal legislation principles. Especially, the author clarifies that the content of Principle 5 meets the basic criteria required of a good criminal legal document in the rule of law.

Keywords: Criminal legislation, Vietnam's Penal Code 2015, criminal legal document, criminal law document.